TẬN THẾ VỚI KITÔ GIÁO VÀ CÁC TÔN GIÁO THẾ GIỚI

TRẦN CÔNG(*)

Người Kitô giáo thường nghĩ đến *tận thế*, liên tưởng đến một cảnh tượng *tận thế* với những điều khủng khiếp phải trải qua khi *ngày ấy* đến. Điều này cũng dễ hiểu vì Kitô hữu tin vào mạc khải (*revelation*) ngày tận thế sẽ xảy ra (xem Mt 24: 34-35). Và vì trong sách *Khải Huyền*, chương 20, nói về *Triều đại một ngàn năm*, chương kế tiếp, nói về *Trời mới, Đất mới* (Kh.21). *Khải Huyền* là cuốn sách được chấp nhận trong quy điển của Kinh thánh Kitô giáo mà nội dung bao gồm những hình ảnh rất khó cắt nghĩa ngay cả đối với những nhà thần học. Vì vậy, có hiện tượng tự ý cắt nghĩa *Khải Huyền* theo cách chủ quan làm sai lạc ý nghĩa cuốn sách gây nên những hậu quả tâm lí về ngày Tận thế. Lại thêm, cũng không thể không nói đến một điều là ảnh hưởng từ những lời đồn đại, những dự đoán của người này, người khác và cả những liên hệ về sự thay đổi khí hậu toàn cầu, những thiên tai, nguy cơ huỷ diệt môi trường sống tăng cường trong những năm cuối thế kỉ XX, đã làm nhiều người tin và lo ngại. Hiện tượng này đã xảy ra tại thành phố Hồ Chí Minh và một số nơi khác mà báo chí đã nhắc đến. Đây cũng là điều làm không ít những người có trách nhiệm trong Giáo hội lo ngại. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung trình bày về cách tiếp cận nội dung sách *Khải Huyền* và cách hiểu về ngày Tận thế trong các tôn giáo lớn khác trên thế giới.

1. Sách *Khải Huyền* và vấn đề tiếp cận nội dung cuốn sách

Đứng trước vấn đề rất khó khăn khi tìm hiểu sách *Khải Huyền*, nhiều nhà nghiên cứu thuộc các Giáo hội Kitô đã đặc biệt quan tâm tới cách thức tiếp cận nội dung cuốn sách và coi đây là vấn đề quan trọng khi trình bày về thực tại Cánh Chung liên quan tới lịch sử cứu độ của Thiên Chúa. Nội dung sách *Khải Huyền*, theo các nhà thần học Công giáo, căn cứ trên bài giảng của Chúa Giêsu về những việc sắp tới. Vì vậy, về mặt thần học, tác giả sách *Khải Huyền*(1) đã trình bày vấn đề trong tư cách vừa là một ngôn sứ, vừa là một tác giả. Xét về mặt ngôn sứ, tác giả nói ý Thiên Chúa với lời cảnh báo và an ủi Giáo hội Kitô. Còn trong tư cách một tác giả, ông tập trung trình bày lịch sử trong thực tại cứu độ với lời tiên báo tương lai. Đây chính là vấn đề được đưa ra nghiên cứu, giải thích ở nhiều góc độ khác nhau. Gerhard Hocher trong tác phẩm *Đường vào Tân ước - Thời đã mãn*(2) khi

---

*. Nhà nghiên cứu, Uỷ ban đoàn kết Công giáo Việt Nam.

1. Theo truyền thống Giáo hội, sách *Khải Huyền* do Thánh Gioan (tác giả của *Phúc âm và Các Thánh thư*) viết. Tuy nhiên, xét theo lối hành văn, có người cho rằng tác giả *Khải Huyền* là một người sống tại Epheso cũng tên là Gioan, quen gọi Gioan Ký lão (presbyter). Nhưng không có gì chứng minh cho phán đoán này - TG.

2. Gerhard Hocher. *Đường vào Tân ước - Thời đã mãn*. Bản dịch Uỷ ban Đoàn kết Công giáo TP. Hồ Chí Minh 1979.

phát biểu về vấn đề này đã lưu ý rằng những lời tiên báo trong sách *Khải Huyền* chỉ có thể được dùng để cảnh báo và an ủi, chứ không được dùng để suy luận hay tưởng tượng những điều chưa biết đến. Theo quan điểm này thì rất khó có thể giải nghĩa một cách nghiêm chỉnh, thoả đáng một số hình ảnh dùng trong sách *Khải Huyền*. Thánh Augustin khi đọc chương 20 sách *Khải Huyền* đã không bảo đảm những triển vọng theo ông là *thể xác* hơn là *tinh thần* và ông khuyên mọi người đọc chương này một cách tượng trưng. Đồng thời Thánh Augustin cũng phê phán thuyết thiên niên luận đã phát triển tư tưởng *Khải Huyền* một cách máy móc[3]. Điều này khẳng định cần có hướng tiếp cận nội dung cuốn sách một cách nghiêm túc mới có thể giải thích ý nghĩa của cuốn sách một cách sát, đúng hơn.

Nhưng phải tiếp cận theo hướng nào? Đó là vấn đề không đơn giản. Một số người đã đề nghị các phương pháp tiếp cận, cắt nghĩa *Khải Huyền* theo những phạm trù lịch sử thế tục hoặc trên cơ sở đặt trong bối cảnh lịch sử Giáo hội Kitô hay trong lịch sử thế giới v.v... Tuy nhiên, vấn đề mà những phương pháp này đưa ra vẫn chỉ được xem là những giả thiết; không có lời giải thích nào được coi là thoả đáng. Một số nhà thần học Công giáo đề nghị đi sâu vào lời Thánh Gioan trong sách *Khải Huyền* rằng: "*Lời chứng của Đức Giêsu chính là thần khí tiên tri*" (19:10) và giải thích rằng chỉ khi nào người ta thật sự đi sâu nhận biết Lời Chúa, người ta mới hiểu lời tiên tri, nhờ Đức Kitô, qua Thánh thần. Như vậy, các Kitô hữu không có quyền đưa ra một nhận định hay một giả thuyết để giải thích ý nghĩa những nội dung, hình ảnh được chép trong sách *Khải Huyền*. Các Kitô hữu không được coi sách *Khải Huyền* như "một chương trình đã được sắp đặt trước" cho lịch sử phát triển Giáo hội Kitô giáo và lịch sử thế giới. Điều phải nói là "các Kitô hữu không được phép trực tiếp áp dụng nội dung của *Khải Huyền* trong thế giới kinh nghiệm của chúng ta, đối với những hình ảnh tượng trưng trong sách *Khải Huyền*"[4].

Các nhà thần học Tin Lành cũng cùng khó khăn khi đi sâu nghiên cứu *Khải Huyền*. Họ cho rằng hiện có nhiều cách giải thích *Khải Huyền* và cách nào cũng có khó khăn riêng kể cả những bản giải thích đã được thừa nhận cũng còn những gò bó để thích hợp với chính bản giải thích đó[5]. Chọn trong số nhiều cách giải thích, các nhà thần học Tin Lành nêu bốn trường phái chính:

- *Phái quá khứ:* Phái này cho rằng sách *Khải Huyền* liên quan đến thời kì sách ra đời, tức là lúc Giáo hội dưới thời đế quốc La Mã.

- *Phái giải thích lịch sử:* Phái này nói nội dung *Khải Huyền* cốt để dự báo tình hình tổng quát của cả thời kì lịch sử Giáo hội Kitô, từ thời Chúa Giêsu cho đến tận thế. Đó là bức tranh phác họa các giai đoạn kế tiếp nhau cho tới ngày tận thế.

- *Phái giải thích tương lai:* Phái này cho rằng nội dung cuốn sách đề cập ngày Chúa tái lâm và lúc tận thế.

- *Phái giải thích duy linh* cho rằng các hình bóng trong *Khải Huyền* không chỉ về một biến cố nào trong lịch sử hoặc biến cố đương thời Thánh Gioan hoặc cả các biến cố tận thế. Phái này nói cách dùng hình ảnh đầy ẩn ý để hình dung nền cai trị của Thiên Chúa trong mọi thời đại.

Phần đông các nhà nghiên cứu Tin Lành thiên về phối hợp cách giải thích phái lịch sử và phái tương lai vì có sự diễn giải về lịch sử Giáo hội Kitô và dự báo về ngày

3. Jean Delumeau. *Des Religions et des Hommes* - Paris 1997.
4. Gerhard Hocher. Sđd, tr. 170.
5. Henrry H. Halley. *Thánh kinh Lược khảo*. Nxb Tin Lành, Sài Gòn, 1971, tr. 832.

phán xét chung. Ở đây, có sự liên hệ giữa sự nghiệp cứu chuộc với cuộc khải hoàn ngày sau hết mà nhiều Kitô hữu tin như vậy. Hầu như tất cả các nhà thần học đều có thái độ phê phán một cách gay gắt những nhà truyền giáo, những nhà văn hoặc một số người khác có ý tưởng đặc biệt đưa ra những quan niệm về *Khải Huyền* một cách thái quá. Những nhà thần học Công giáo cũng khuyến cáo dư luận chung rằng: "Trong những bức tranh về cuộc phán xét cuối cùng (trong sách *Khải Huyền*) phải nhận rằng có phần tưởng tượng"[6]. Vì vậy, cũng có lời nhắc nhở đừng quá đề cao ý tứ *Khải Huyền* mà hạ thấp những sách khác trong Kinh thánh.

Những nhà nghiên cứu Kitô giáo đưa ra nhận xét rằng đã có một nền văn chương *Khải Huyền* xuất hiện hai thế kỉ trước và hai thế kỉ sau Thiên Chúa giáng sinh do người Do Thái sáng tạo ra. Nền văn chương này rất phong phú và thể văn đã được sử dụng để diễn tả hành động của Thiên Chúa bắt đầu từ sáng tạo cho đến lúc kết thúc lịch sử. Thể loại văn chương này được tìm thấy trong các sách ngôn sứ thời *Cựu ước* (xem Is 24-27; Dcr 9-14; Ed 40-48). Trong *Cựu ước* còn có một cuốn sách được coi là đậm nét văn chương *Khải Huyền* - sách *Daniel* (viết vào khoảng 168-164 TCN-TG). Lối văn *Daniel* sau này được nhiều người bắt chước và đã có nhiều sách kiểu văn chương *Khải Huyền* ra đời như sách *Khải Huyền* của Henoch; *Cuộc về trời của Moses*; Cuốn thứ tư của Edera... Tuy nhiên, các sách này không được thừa nhận trong quy điển *Cựu ước*. Riêng sách *Daniel* được nhắc tới nhiều lần trong *Tân ước*. Có thể nói rằng nền văn chương *Khải Huyền* được hình thành từ thời *Cựu ước* và ý nghĩa văn phong *Khải Huyền* là lời cảnh báo, lời an ủi dựa trên cách viết thiên về dùng hình ảnh miêu tả.

Henry H.Halley cho rằng ngôn ngữ sách *Khải Huyền* liên quan tới tình trạng Giáo hội Kitô trong lịch sử đương thời. Ông viết: "Cuốn sách được viết ra trong ánh lửa đỏ Giáo hội phải trải qua dưới việc bắt bớ của các triều đại hoàng đế La Mã kể từ Neron (64-67), kế đến là Domitien (95-96) và Trajan (98). Thánh Gioan đã viết *Khải Huyền* trong hoàn cảnh việc truyền giáo đầy khó khăn. Nhưng cũng phải nói đến một điều mà *Khải Huyền* quan tâm là trong nội bộ Giáo hội Kitô sơ khai đã xuất hiện những dấu hiệu bất đồng về mặt giáo thuyết và *Khải Huyền* đã kịp đặt vấn đề cảnh báo và an ủi Hội thánh trong tình hình khó khăn đó"[7].

Ý nghĩa tôn giáo của sách *Khải Huyền* được xác định với các Kitô hữu về "ngày của Chúa", ngày Chúa trở lại được hiểu không chỉ để phán xét mà còn là ngày ban phát ân sủng. Mọi dự đoán, phao tin hoặc ra lời đe doạ về một biến cố huỷ diệt từ Thiên Chúa đều không xác đáng và phạm thánh bởi cũng có lời mạc khải rằng: "Còn về ngày đó và giờ đó thì không ai biết được, ngay cả các thiên sứ trên trời hay cả người Con cũng không; chỉ có một mình Chúa Cha biết mà thôi" (Mt 24-36).

2. Niềm tin Kitô giáo trong tương quan các tôn giáo lớn trên thế giới

Việc tin có sự thay đổi về cuộc sống và có cuộc sống đời sau là đặc điểm nổi bật của tất cả các tôn giáo. Tuy nhiên, tín đồ các tôn giáo khác nhau quan niệm về vấn đề này cũng khác nhau. Thế giới mà chúng ta đang sống hôm nay hiện diện nhiều tôn giáo có ảnh hưởng lớn tới đời sống của một bộ phận hay một phần dân cư thế giới. Masao Abe[8], một học giả Phật giáo, khẳng

6. *Điển ngữ Thần học Thánh kinh*. Giáo hoàng học viện Piô X, 1976, Quyển III, tr. 236.
7. Henry H. Halley. Sđd, tr. 835.
8. Masao Abe, tín đồ phái Thiền tông Nhật Bản, Giáo sư đại học Kyoto, bài đăng trong: *Living Faiths and Ultimate Goals, Salvation and World Religions*, tài liệu *Hội thảo Thần học* tại Thái Lan từ 29-12-1972 đến 8-1-1973, Orbis Books, New York 1974, tr. 12.

định điều ông quan tâm là tất cả các tôn giáo đều hướng về một Thượng Đế, nhưng rõ ràng giáo thuyết của các tôn giáo đã không thuyết phục được nhau. Vấn đề mà người Kitô hữu tin là có đấng Cứu độ cứu chuộc trần gian, chịu chết vì tội lỗi thiên hạ, Phục sinh về Trời và sẽ trở lại ngày phán xét (ngày tận thế) không có tác động gì nhiều với tín đồ các tôn giáo khác ngoài Kitô giáo. Một vài thập kỉ gần đây, một số nhà hoạt động tôn giáo đã chú ý tới vấn đề này bởi các tôn giáo được coi là "lớn" (theo cách đánh giá về ảnh hưởng, số tín đồ và phạm vi hoạt động - TG) đang vấp phải những vấn đề rất khó giải thích khi chính những người đứng đầu các tôn giáo này tìm cách liên hệ với nhau hay muốn khẳng định giáo thuyết của mình.

Trước cả Công đồng Vatican II của Giáo hội Công giáo, các đại biểu Kitô giáo, Phật giáo, Ấn Độ giáo, Hồi giáo và Do Thái giáo đã có các cuộc tiếp xúc trao đổi mà nội dung tập trung vào vấn đề giáo thuyết Kitô giáo về ơn cứu độ và ngày tận thế. Vấn đề các đại biểu tôn giáo đưa ra là cách thức giải thích giáo huấn Kitô giáo. Giáo sư Wilfred Cantwell Smith[9], thuộc khoa Thần học Kitô, Đại học Dalhousie, Mỹ cho rằng chính cách giải thích của các Giáo hội Kitô được vận dụng vào đời sống khi chưa được xem xét kĩ lưỡng đã mang lại hậu quả lịch sử to lớn. Ông thừa nhận rằng các nhà thần học Kitô giáo đã đóng góp cho lí luận về tôn giáo một khối lượng tri thức lớn không chỉ đối với niềm tin Kitô giáo mà còn gắn với vấn đề nhân loại. Tuy nhiên, càng đi sâu vào nghiên cứu những vấn đề do họ đưa ra thì thấy càng khó nắm bắt và vấn đề càng trở nên xa vời. Nhiều vấn đề còn nảy sinh mâu thuẫn như khi vận dụng truyền thống của các tôn giáo để nhận thức quan điểm Kitô giáo, hoặc như khi các quan điểm thần học đó buộc người ta phải theo hướng này thì đạo đức cuộc sống lại thúc đẩy đi theo hướng khác. Ông không đồng tình với cách áp đặt nhận thức từ lâu được sử dụng trong Kitô giáo vì cách này không mấy phù hợp với thế giới ngày nay. Có thể nói rằng hiện nay câu trả lời sắc lạnh "có" hoặc "không" không còn phù hợp với xã hội phát triển, vì nó không thể hiện được sự biểu lộ tư duy một cách đầy đủ, nhất là khi đề cập tới một vấn đề liên quan tới nội dung tôn giáo. Một ví dụ điển hình được nêu ra là tại cuộc hội thảo thần học Kitô giáo có các đại biểu tôn giáo khác tham dự, tổ chức tại Luân Đôn, Anh năm 1970, khi một đại biểu đến từ Ấn Độ khẳng định ông tin vào thuyết luân hồi của linh hồn thì một đại biểu khác của Tây Âu đã đứng dậy nói ông không tin điều đó và điều gì xảy ra ở đây thì ai cũng có thể đoán được. Vì vậy, xác định một vấn đề chung cho tất cả các tôn giáo thật là điều không tưởng. Cũng như các tôn giáo trên thế giới không hoàn toàn nhận thức được quan niệm về ơn Cứu độ và vấn đề tiên đoán ngày Tận thế của Kitô giáo.

Tại một số cuộc hội thảo thần học về ơn Cứu độ, về cuộc sống đời sau, các đại biểu Phật giáo, Ấn Độ giáo đã tỏ rõ quan điểm rằng họ không có nhiều điều trao đổi với các nhà thần học Kitô giáo. Họ cũng đồng ý là vấn đề cứu khổ và giải thoát vừa là nội dung, vừa là cứu cánh của giáo thuyết các tôn giáo nhưng bất bình với giáo huấn Kitô giáo rằng những người ngoài Kitô giáo không có ơn Cứu độ. Về sự giải thoát, đại biểu Phật giáo cho rằng: "Khi diệt trừ được vô minh, tham dục thì con người cảnh giới được Nát Bàn. Nát Bàn không hề trừu tượng hoặc không phải biểu hiện của cuộc sống cao siêu mà là trạng thái con người được giải phóng khỏi đau khổ, dục vọng và dốt nát"[10].

9. Wilfred Cantwell Smith, giảng Thần học tại Đại học Washington năm 1961, bài đăng trong: *Christian Faith in a Religiously Plural World*, tài liệu Hội thảo Thần học tại Mỹ tháng 4-1976, Orbis Books, New York, 1978.
10. Masao Abe. Sđd, tr. 13.

Người Hồi giáo cho rằng mỗi tôn giáo đều có lịch sử của mình và Hồi giáo ra đời dựa trên cơ sở giáo thuyết Do Thái và Kitô giáo về Sáng thế. Hồi giáo đã kế thừa một phần của hai Cộng đồng Kitô giáo và Do Thái giáo ở Trung Cận Đông. Sau khi nhắc tới vấn đề trên một học giả Hồi giáo là Farlur Rahman đã đưa ra câu hỏi: "*Vậy tại sao người Arập đã không chọn Kitô giáo hay Do Thái giáo*?". Ông đưa ra câu trả lời xác định rằng người dân ở đây đã từng trông đợi một tôn giáo riêng của mình để họ được hướng dẫn phần hồn một cách tốt hơn(11). Hồi giáo cho rằng nhân loại lúc đầu sống chung trong một cộng đoàn, sau đó "do có sự bất đồng mà trở nên tranh chấp" (Qur'an II - 213). Về ơn Cứu độ, Hồi giáo diễn tả một cách cởi mở rằng: "Quả thật, tin tưởng (nơi Qur'an) và những ai là người Do Thái và những tín đồ của Kitô giáo và những người Sabian, ai tin nơi Allah và Ngày (phán xử) cuối cùng và làm việc thiện thì sẽ có phần thưởng nơi Rabb của họ và họ cũng sẽ không sợ, cũng sẽ không buồn" (Qur'an II - 62). Người Hồi giáo tin duy nhất Đức Allah sáng tạo, những vị khác là được sáng tạo gồm các tiên tri như Abraham Moses, Giêsu, Muhammad.

Các đại biểu Do Thái tỏ ra quan tâm đến vấn đề bình đẳng giữa các tôn giáo. Ông Eugene B. Browit, một người theo Do Thái giáo thế tục cho rằng, nếu tôn giáo khẳng định quyền năng tối hậu thuộc về Thiên Chúa thì đừng nên có tư tưởng đề cao quá mức vai trò của các tổ chức tôn giáo trần thế. Với đạo Do Thái, việc đi thuyết phục một người theo đạo không quan trọng bằng việc mỗi tín đồ Do Thái tỏ ra ngoan đạo và thực thi đầy đủ các lề luật tôn giáo. Người Do Thái thừa nhận ơn Cứu độ Thiên Chúa đổ xuống mọi người và không phân biệt, mọi tín đồ các tôn giáo đều có thể góp phần làm cho nước Trời đến gần. Vì Do Thái là dân được Thiên Chúa tuyển chọn, nên không cần có ai thuộc dân tộc khác phải theo Do Thái giáo. Thiên Chúa cần đến người Do Thái trong các mục đích thiêng liêng với toàn nhân loại. Tuy nhiên, từ khi xảy ra vụ thảm sát người Do Thái trong chiến tranh thế giới II, quan điểm của người Do Thái đã có những thay đổi và cho rằng không thể chấp nhận việc mỗi cộng đồng xã hội, tôn giáo tự phát theo đuổi những giá trị riêng, mà cần thiết phải phát triển nền đạo đức chung, cũng như nền văn minh chung của toàn nhân loại. Các tôn giáo trên thế giới đều có quan điểm riêng của mình được trình bày trong giáo thuyết dựa trên nền tảng niềm tin vào đấng tối cao, đấng cứu độ. Các tôn giáo đều đặt niềm tin và sự trông chờ một ân sủng sẽ đến. Những lời cảnh báo là lời nhắc nhở con người sống tốt hơn, có ích hơn cho thế giới và cho đồng loại. Sự đe doạ tận diệt cùng hình phạt thảm khốc không nói lên bản chất tôn giáo. Bởi theo Kitô giáo thì ngoài Thượng Đế, con người không biết điều đó.

Mọi dự đoán theo suy nghĩ chủ quan của con người về ngày tận thế đều đã qua đi mà thực tế đã chứng minh sự thiếu chính xác của những dự đoán đó. Ngày 1-1-1000 đã qua đi, mà chẳng xảy ra điều gì. Loài người phát triển thêm 1000 năm nữa và có biết bao điều đổi thay đã diễn ra trong ngàn năm thứ hai này. Ngày 1-1-2000 cũng vừa qua đi và có ai dám chắc trong ngàn năm thứ ba, con người không làm nên những kì tích mới. Ai đó cố ý nêu vấn đề tận thế như một sự đe dọa con người chắc muốn gặt hái điều gì ? Điều đó nhất định không liên quan đến vấn đề tôn giáo./.

---

11. Farlur Rahman, bài trong: *Chistian Faith in a Religiously Plural World*, New York, 1978, tr. 89.